



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

15.09.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

HIỆU SUẤT SINH LỜI VƯỢT TRỘI Ở NHÓM CỔ PHIẾU VỐN HÓA VỪA VÀ NHỎ

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	372
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	238
Số cổ phiếu giảm giá	76
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	58

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	230
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	108
Số cổ phiếu giảm giá	68
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	54

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	380
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	182
Số cổ phiếu giảm giá	94
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	104

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	86,526.65	108,431.07	(21,904.42)
% KL toàn thị trường	6.96%	8.72%	
Giá trị	3,277,529	4,598,599	(1,321,069)
% GT toàn thị trường	8.71%	12.22%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	4,733.80	5,151.62	(417.82)
% KL toàn thị trường	6.96%	8.72%	
Giá trị	94,147	148,124	(53,977)
% GT toàn thị trường	2.43%	3.83%	

UPCOM

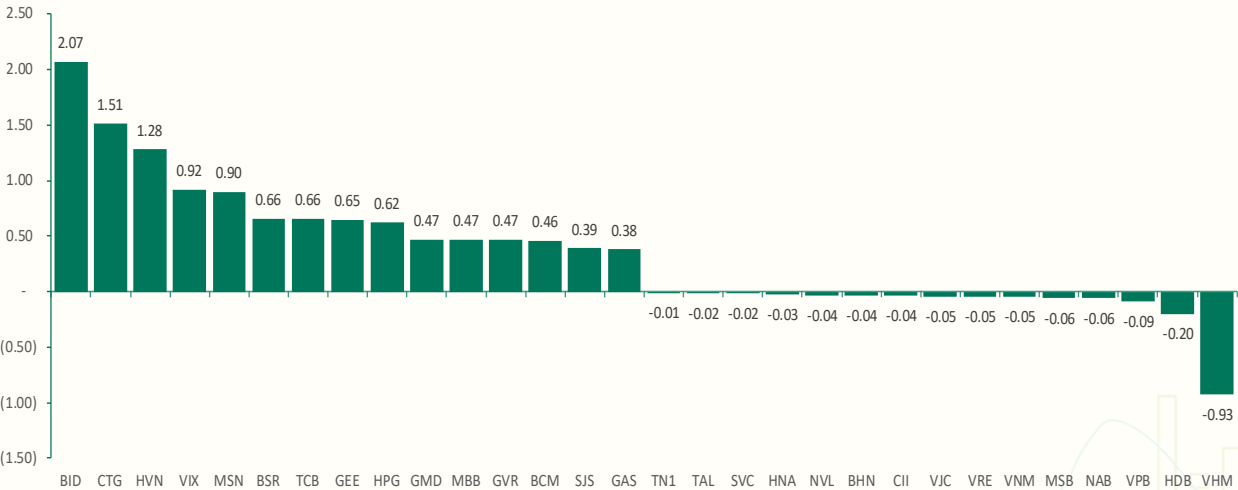
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	255.28	1,080.21	(824.93)
% KL toàn thị trường	0.46%	1.96%	
Giá trị	13,457	40,235	(26,778)
% GT toàn thị trường	1.46%	4.36%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	5,367,400	65,800	0 (0%)	11.96	2.57	5,501	549,803
2	VIC	2,142,000	137,800	0 (0%)	38.96	3.37	3,537	534,730
3	VHM	2,942,600	104,500	-1,000 (-0.95%)	14.85	1.86	7,039	429,225
4	BID	7,330,300	42,200	1,250 (3.05%)	10.62	1.82	3,972	296,301
5	CTG	12,875,800	51,600	1,200 (2.38%)	9.20	1.69	5,606	277,092
6	TCB	16,479,300	39,000	400 (1.04%)	12.68	1.70	3,075	276,363
7	VPB	64,130,100	31,550	-50 (-0.16%)	14.39	1.64	2,193	250,315
8	HPG	88,920,500	30,350	350 (1.17%)	14.45	1.59	2,100	232,950
9	MBB	21,483,300	26,850	250 (0.94%)	6.20	1.28	4,331	216,277
10	FPT	14,123,100	101,900	300 (0.3%)	17.38	3.79	5,862	173,587

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% vốn hóa	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	100%	+0.66%	+34.46%	1,601
▼ Tài chính	37.56%	0%	+35.48%	104
> Tổ chức tín dụng	32.01%	+0.04%	+33.46%	29
> Dịch vụ tài chính	4.62%	-0.42%	+59.00%	62
> Bảo hiểm	0.94%	+0.62%	+15.57%	13
▼ Bất động sản	17.61%	+2.53%	+95.58%	133
▼ Công nghiệp	10.51%	+0.63%	+26.07%	402
> Vận tải	6.28%	+0.50%	+21.48%	117
> Hàng hóa công nghiệp	3.76%	+0.80%	+35.86%	232
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	0.46%	+0.94%	+35.12%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	8.19%	+0.44%	+0.50%	169
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	8.03%	+0.45%	+0.64%	156
> Thương mại hàng thiết yếu	0.11%	-0.01%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	0.05%	-0.18%	+8.49%	4
▼ Nguyên vật liệu	7.57%	+0.80%	+16.92%	284
▼ Tiện ích	5.23%	+0.24%	+6.22%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	4.80%	+1.19%	+22.58%	187
> Thương mại hàng không thiết yếu	2.48%	+2.21%	+19.33%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	1.74%	+0.08%	+3.07%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	0.50%	-0.03%	+57.72%	72
> Xe và linh kiện	0.08%	+0.99%	+0.22%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	3.40%	-0.82%	-21.37%	41
> Dịch vụ viễn thông	3.19%	-1.01%	-23.10%	18
> Truyền thông và giải trí	0.21%	+2.06%	+14.81%	23
▼ Năng lượng	2.22%	-0.25%	-0.40%	53
▼ Công nghệ thông tin	2.10%	+0.70%	-21.86%	16
> Phần mềm và dịch vụ	2.08%	+0.74%	-22.10%	9
> Phần cứng và thiết bị	0.02%	-2.25%	+19.21%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	0.80%	-0.24%	+3.69%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	0.73%	-0.24%	+6.73%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	0.07%	-0.17%	-29.77%	11

Hiệu suất sinh lời vượt trội ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 17.64 điểm (+ 1.06%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Xe và linh kiện, dịch vụ viễn thông, vận tải, hàng hóa công nghiệp, dịch vụ tài chính, dịch vụ thương mại và chuyên biệt, năng lượng, nguyên vật liệu, thời trang và hàng lâu bền, thương mại và hàng không thiết yếu, tổ chức tín dụng, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, bất động sản...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như CSM, DRC, SRC, VGI, CTR, ELC, HVN, VOS, HAH, GMD, VSC, CTD, VCG, DPG, GEX, VIX, SSI, VND, MBS, VCI, HCM, VEF, TLG, TV2, BSR, PLX, PVT, HPG, GVR, DGC, DDV, DPM, DCM, MSR, HT1, NKG, SMC, KSB, VGT, TNG, MSH, GIL, TCB, BID, CTG, STB, TPB, SHB, MWG, PNJ, FRT, HUT, PET, MSN, VHC, ANV, IDI, DBC, SJS, PDR, DXG, KBC, TCH, CEO, SIP ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CSM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ CSM đang trong sóng 3 tăng giá mở rộng với mục tiêu 18 -20;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) HAH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau khi hoàn thành mô hình sóng 4 giảm giá với hỗ trợ quanh vùng giá 48 – 50, HAH đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 99;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 65 – HAH cần Break out kháng cự này để xác nhận sóng 5 tăng giá mở rộng sẽ hình thành;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(iii) CTD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu tạo đáy sóng quanh vùng giá 65 – 70 và đang hình thành sóng 5 mở rộng tăng giá với mục tiêu 95 – 99;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(iv) KSB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Hammer";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vắng ra khỏi dải băng – KSB có thể điều chỉnh giảm trở lại trước khi tăng;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 25 – 27;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(v) VHC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá Break out kháng cự động MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VHC sẽ có lãi lớn trong Q3/2025 do hoạt động bình quân giá các mã đầu tư chứng khoán thua lỗ trong danh mục như DXS, KBC...và xuất khẩu tăng trưởng trong khi đó giá đầu vào có xu hướng giảm;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(vi) SIP tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình hai đáy với sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu giá 85;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(2) Thương mại hàng không thiết yếu và một số cổ phiếu riêng lẻ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như AIG, CII, HDB, C69, DST, AAS, VNM, MSB, VRE, DPR...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CII giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sóng 4 giảm giá có thể chưa kết thúc với hỗ trợ quanh vùng 15 – 19;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(ii) HDB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với mục tiêu 24 – 28;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: “Tam sinh thể thấp lý đào hoa”

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,574 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIX, BID, ACB, DPG, VHC, TPB, VNM, BSR, HVN, VPB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, HPG, MKP, STB, SSI, CTG, VCB, VHM, MWG, VND... Chu kỳ bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại. Tính lũy kế từ đầu năm tới nay họ đã bán ròng hơn 84,000 tỷ đồng.

(ii) VN-Index sau khi hình thành bộ nền “tam sinh duyên” đã tiếp tục duy trì đà tăng giá tích cực. Về cơ bản, đây là tín hiệu tốt lúc này. Có mấy điểm chính: (a) Dòng tiền đã lan sang các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, các cổ phiếu ngành sản xuất như thủy sản hay nhóm bán lẻ, đầu tư công – Đây là những nhóm chưa tăng giá giai đoạn vừa qua. Sự xoay tua này trên quan điểm của chúng tôi là cần thiết với thị trường. (b) Chúng tôi không cho rằng thanh khoản sẽ tăng ngay trong khung giá 1,600 – 1,700 điểm bởi nhiều NĐT đã bán rồi vẫn đang thận trọng và dòng tiền đang hướng tới các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ.

Các cổ phiếu vượt đỉnh trong phiên hôm nay là VCG, CSM, SJD...

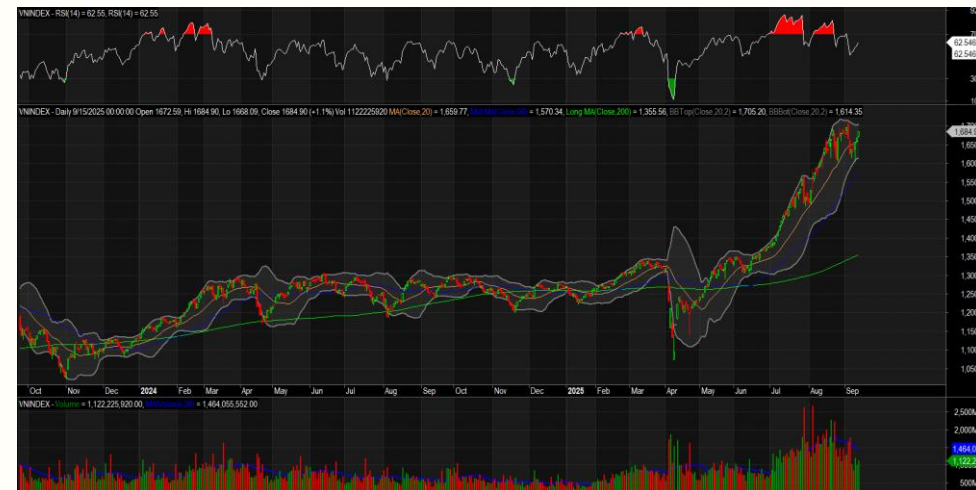
Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là VGT, PHR, DRC, VHC, REE, PVT...

Các cổ phiếu có tiền vào mạnh: IDI, NTP, CTD, SMC, HVN, PAN...

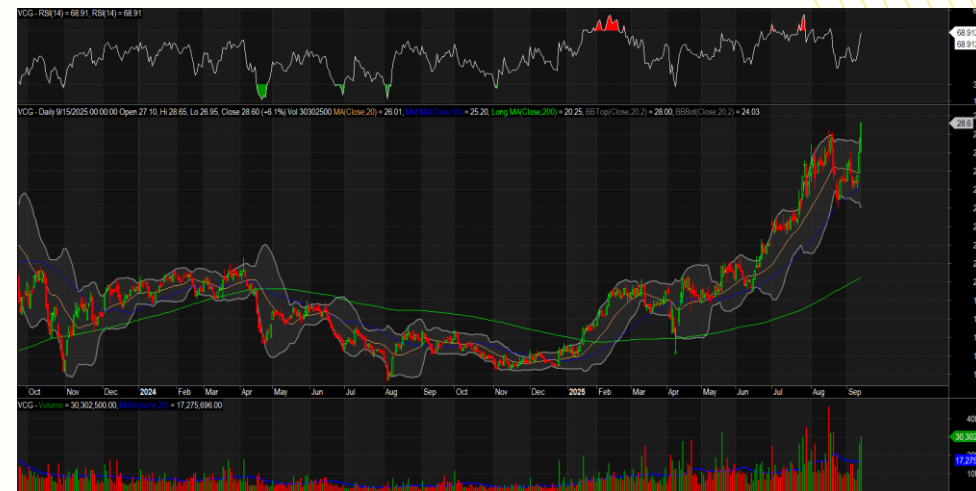
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 09 mã cho tín hiệu mua, 01 mã cho tín hiệu bán, 20 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã MSN, VIC, STB, VIB, VNM, GVR, MWG... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 75% và 53.22% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VCG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	617.01	615.17	618.85	NO	624.67	628.66	636.32	640.31	613.02	605.36	601.37	593.71
HNXINDEX	279.59	279.04	280.14	NO	281.79	282.89	285.09	286.19	278.49	276.29	275.19	272.99
UPINDEX	110.61	110.69	110.54	YES	111.02	111.57	111.98	112.53	110.06	109.65	109.1	108.69
VN30	1870.32	1867.11	1873.54	NO	1883.18	1889.6	1902.46	1908.88	1863.9	1851.04	1844.62	1831.76
VNINDEX	1679.3	1676.49	1682.1	NO	1690.5	1696.11	1707.31	1712.92	1673.69	1662.49	1656.88	1645.68
VNXALL	2893.54	2888.56	2898.52	NO	2913.44	2923.39	2943.29	2953.24	2883.59	2863.69	2853.74	2833.84
VN30FIM	1868.07	1864.1	1872.03	NO	1885.53	1895.07	1912.53	1922.07	1858.53	1841.07	1831.53	1814.07
VN30FIQ	1852.5	1851.25	1853.75	YES	1866.8	1878.6	1892.9	1904.7	1840.7	1826.4	1814.6	1800.3
VN30F2M	1860.9	1857.6	1864.2	NO	1876.5	1885.5	1901.1	1910.1	1851.9	1836.3	1827.3	1811.7
VN30F2Q	1834.73	1833.5	1835.97	YES	1846.47	1855.73	1867.47	1876.73	1825.47	1813.73	1804.47	1792.73
ACB	26.38	26.38	26.39	YES	26.67	26.93	27.22	27.48	26.12	25.83	25.57	25.28
BCM	68.23	67.95	68.52	NO	69.57	70.33	71.67	72.43	67.47	66.13	65.37	64.03
BID	41.82	41.63	42.01	NO	42.58	42.97	43.73	44.12	41.43	40.67	40.28	39.52
BVH	58.77	58.5	59.03	NO	59.83	60.37	61.43	61.97	58.23	57.17	56.63	55.57
CTG	51.05	50.78	51.32	NO	52.15	52.7	53.8	54.35	50.5	49.4	48.85	47.75
FPT	102.3	102.5	102.1	NO	103.1	104.3	105.1	106.3	101.1	100.3	99.1	98.3
GAS	63.03	62.95	63.12	NO	63.47	63.73	64.17	64.43	62.77	62.33	62.07	61.63
GVR	29.73	29.67	29.79	NO	30.12	30.38	30.77	31.03	29.47	29.08	28.82	28.43
HDB	31.3	31.33	31.28	YES	31.55	31.85	32.1	32.4	31	30.75	30.45	30.2
HPG	30.43	30.48	30.39	NO	30.77	31.18	31.52	31.93	30.02	29.68	29.27	28.93
LPB	44.28	44.15	44.42	NO	45.02	45.48	46.22	46.68	43.82	43.08	42.62	41.88
MBB	26.75	26.7	26.8	NO	26.95	27.05	27.25	27.35	26.65	26.45	26.35	26.15
MSN	87.93	87.65	88.22	NO	89.57	90.63	92.27	93.33	86.87	85.23	84.17	82.53
MWG	79.07	78.85	79.28	NO	80.03	80.57	81.53	82.07	78.53	77.57	77.03	76.07
PLX	35.8	35.82	35.78	YES	36	36.25	36.45	36.7	35.55	35.35	35.1	34.9
SAB	46.78	46.83	46.74	YES	46.92	47.13	47.27	47.48	46.57	46.43	46.22	46.08
SHB	17.68	17.63	17.74	NO	18.07	18.33	18.72	18.98	17.42	17.03	16.77	16.38
SSB	19.78	19.75	19.82	NO	19.97	20.08	20.27	20.38	19.67	19.48	19.37	19.18
SSI	42.1	42.05	42.15	NO	42.75	43.3	43.95	44.5	41.55	40.9	40.35	39.7
STB	55.5	55.25	55.75	NO	56.5	57	58	58.5	55	54	53.5	52.5
TCB	38.85	38.78	38.93	NO	39.15	39.3	39.6	39.75	38.7	38.4	38.25	37.95
TPB	19.72	19.67	19.76	NO	19.98	20.17	20.43	20.62	19.53	19.27	19.08	18.82
VCB	65.77	65.75	65.78	YES	66.03	66.27	66.53	66.77	65.53	65.27	65.03	64.77
VHM	103.9	103.6	104.2	NO	105.3	106.1	107.5	108.3	103.1	101.7	100.9	99.5
VIB	21.4	21.38	21.42	NO	21.7	21.95	22.25	22.5	21.15	20.85	20.6	20.3
VIC	136.8	136.3	137.3	NO	138.8	139.8	141.8	142.8	135.8	133.8	132.8	130.8
VJC	145.2	145	145.4	NO	146.9	148.2	149.9	151.2	143.9	142.2	140.9	139.2
VNM	63.13	63.15	63.12	YES	63.47	63.83	64.17	64.53	62.77	62.43	62.07	61.73
VPB	31.57	31.58	31.56	YES	32.18	32.82	33.43	34.07	30.93	30.32	29.68	29.07
VRE	30.77	30.83	30.71	NO	30.98	31.32	31.53	31.87	30.43	30.22	29.88	29.67

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VCG	30,302,500	12,179,770	249	6.12
IJC	21,014,300	7,280,980	289	4.72
HUT	9,970,700	4,116,160	242	8.65
MST	7,363,600	2,800,470	262.94	5.36
PAN	5,357,400	1,337,540	401	5.84
VHC	4,817,000	1,430,330	337	6.99
IDI	4,140,400	1,670,490	247.86	6.99
TNG	3,811,500	1,070,440	356	4.78
DPG	3,718,000	1,804,680	206	6.1
HVN	3,659,100	1,633,060	224.06	6.92
CSM	3,252,100	1,457,700	223	6.52
ASM	2,756,800	1,145,680	241	5.58
NRC	2,460,100	910,550	270	8.93
CTD	2,449,700	492,640	497	6.92
TVN	2,374,200	789,500	300.72	5.81
DDV	1,763,900	878,980	201	4.84
SGR	1,085,600	438,830	247	2.75
TEG	1,073,100	74,460	1,441	7
DCL	901,800	410,580	220	5.08
NTP	854,000	222,740	383.41	3.08
CTR	782,800	341,410	229	3.82
DXP	565,400	211,010	268	4.5
MSH	557,800	200,430	278	2.9
CMX	483,600	239,180	202	3.79
BCE	374,700	82,820	452.43	-0.87
ICT	352,400	135,250	261	7
LSG	350,600	125,870	279	-0.82
RIC	342,100	68,830	497	3.06
SJS	341,300	118,030	289	6.97
BKG	271,400	101,020	269	0.33
FMC	262,800	82,350	319	4.63
CLL	257,100	94,670	272	1.26
SGP	164,500	77,240	213	3.26
ABC	157,800	22,260	709	3.92
TN1	153,200	66,010	232	-6.89
VTV	148,100	40,060	370	0.8
DHM	139,600	53,660	260	0
CKA	134,900	35,290	382	5.97
VLB	122,300	52,760	232	1.46
FIC	111,500	5,660	1,970	13.64

- Lưu ý: VCG, IJC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
15-Sep	IDI	Mua thêm	≤ 9	10% -20%	Sóng tăng giá mới đang hình thành
15-Sep	VHC	Mua	≤ 66	10% -20%	Sóng tăng giá mới đang hình thành
15-Sep	CTD	Mua	≤ 83	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
15-Sep	HAH	Mua	≤ 60	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 04 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 08/09 - 12/09, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm. Chốt ngày 12/09, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.216 VND/USD, giảm mạnh 32 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 24.006 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết mức ở mức 26.426 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Tỷ giá LNH trong tuần từ 08/09 - 12/09 tăng – giảm đan xen. Kết thúc phiên 12/09, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.386 VND/USD, giảm 13 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tuần qua tiếp tục tăng. Chốt phiên 12/09, tỷ giá tự do tăng 50 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 26.850 VND/USD và 26.950 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 08/09 - 12/09, lãi suất VND LNH các kỳ hạn từ 1M trở xuống tăng – giảm đan xen. Kết thúc ngày 12/09, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức: ON 4,16% (+0,16 đpt); 1W 4,44% (+0,02 đpt); 2W 4,68% (-0,04 đpt); 1M 5,24% (không thay đổi). Lãi suất USD LNH tiếp tục biến động nhẹ ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua. Chốt phiên 12/09, lãi suất USD LNH giao dịch tại: ON 4,30% (không đổi); 1W 4,36% (-0,01 đpt); 2W 4,40% (-0,01 đpt) và 1M 4,43% (-0,01 đpt).
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 08/09 - 12/09, ở kênh cấm cố, NHNN chào thầu 69.000 tỷ đồng với các kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều giữ ở mức 4,0%. Có 64.002,32 tỷ đồng trúng thầu ở cả 4 kỳ hạn. Có 66.205,86 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cấm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Như vậy, NHNN hút ròng 2.203,54 tỷ đồng từ thị trường tuần qua qua kênh thị trường mở. Có 148.735,61 tỷ đồng lưu hành trên kênh cấm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 10/09, KBNN đấu thầu thành công 3.875 tỷ đồng/13.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 29%). Trong đó, kỳ hạn 10Y trúng thầu 3.855 tỷ đồng/9.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu và kỳ hạn 30Y trúng thầu 20 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 5Y và 15Y gọi thầu lần lượt 1.000 tỷ đồng và 3.000 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 10Y là 3,51% (+0,06 đpt so với phiên đấu thầu trước), 30Y là 3,55% (+0,08 đpt). Ngày 17/09, KBNN dự kiến chào thầu 13.500 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 9.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 3.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng. Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 15.024 tỷ đồng/phiên tăng mạnh so với mức 5.836 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Lợi suất TPCP trong tuần qua tăng nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Chốt phiên 12/09, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 2,66% (+0,01 đpt); 2Y 2,70% (+0,01 đpt); 3Y 2,77% (+0,01 đpt); 5Y 3,02% (+0,01 đpt); 7Y 3,37% (+0,01 đpt); 10Y 3,56% (+0,03 đpt); 15Y 3,64% (+0,02 đpt); 30Y 3,78% (+0,01 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

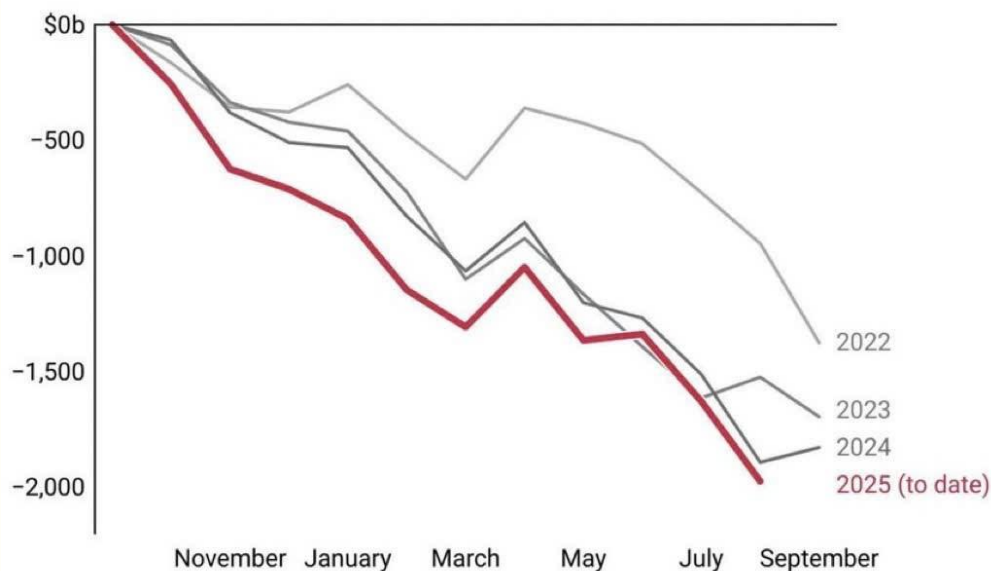
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Nước Mỹ vẫn duy trì mức thâm hụt ngân sách kỷ lục dù doanh thu thuế quan đã tăng mạnh trong giai đoạn vừa qua

The U.S. budget deficit is on track to be larger than in any of the post-pandemic years

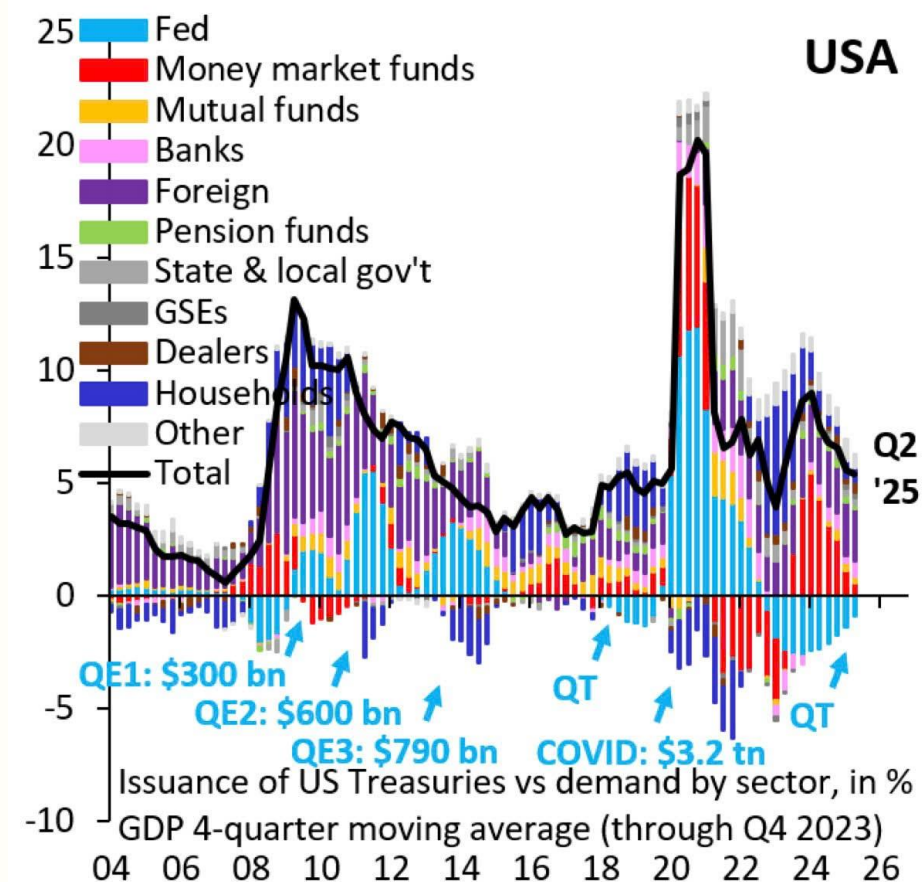
Cumulative budget deficit, by month



The federal budget year runs from the previous October 1 through September 30.

Chart: @JustinWolters • Source: Monthly Treasury Statement

FED đã mua phần lớn MBS và TPKB – Chu kỳ này đã kết thúc hay sẽ tiếp tục mở rộng trong tương lai ?



TTCK MỸ

Các cổ phiếu lớn tiếp tục xuất hiện tín hiệu mua trên đồ thị

AAPL xuất hiện điểm mua vàng trên đồ thị ngày – Tín hiệu tích cực



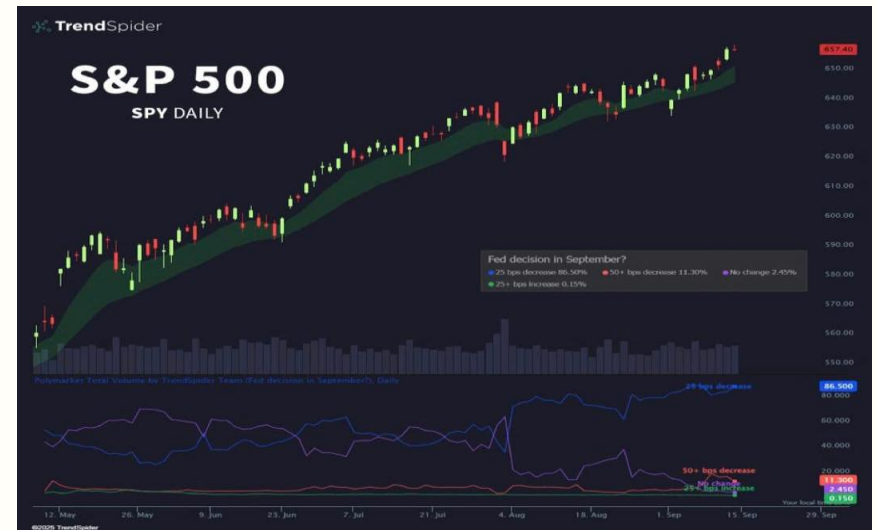
JD xuất hiện tín hiệu tăng giá trên đồ thị tuần



TESLA thiết lập mốc cao nhất kể từ tháng 01/2025



S&P 500 liệu có xuất hiện mô hình tin ra là bán ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)



<https://www.aas.com.vn>



1900 1811



trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

